TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-PT
Ngày 27/7/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.
Các Thẩm phán:
Bà Trương Thị Tuyền;
Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án sơ thẩm số: 38/2022/HNGĐ-ST ngày 17-5-2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXPT-HN ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng D, sinh năm 1972; nơi cư trú: số 19, đường Nguyễn Văn L, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở hiện nay: số 13, tổ 02, ấp T, xã Th, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Minh Th, sinh năm 1973; nơi cư trú: số 19, đường Nguyễn Văn L, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn – anh Lê Hoàng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Hoàng D trình bày: Anh và chị Th chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến cãi vã nhau nhiều lần, đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được nữa, vợ chồng sống ly thân khoảng 02 năm nay, nay yêu cầu được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Phương Kh, sinh năm 1996 và Lê Hoàng L, sinh năm 2005, cháu Kh đã trưởng thành có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết; còn cháu L có nguyện vọng sống với anh, anh nuôi con anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, không nợ chung.

Bị đơn chị Trần Thị Minh Th trình bày: Chị và anh D chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn như anh D trình bày là đúng, vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn mà do chị làm nhà hết nhiều tiền. Sau thời gian chị bị tai nạn giao thông và do chị làm hụi làm ăn thua lỗ đổ nợ, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh D về xã Th, huyện Ch sống hơn 01 năm nay và cặp với người phụ nữ khác, dịch bệnh giãn cách xã hội nên anh D không về, sau khi hết giãn cách xã hội không thấy anh D về, nên chị cùng con chị có đến chỗ anh D ở thì phát sinh mâu thuẫn với anh D và bồ anh D gây mâu thuẫn với mẹ con chị, chị có nhờ Công an xã Th giải quyết. Chị còn thương chồng, chị không bỏ chồng, chồng chị cũng không có lỗi gì với chị, nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như anh D trình bày, con chung cháu Lê Phương Kh đã có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết, còn cháu nhỏ tên Lê Hoàng L hiện đang đi làm, từ khi anh D đi con chị sống chung với chị và đi làm, nay có nguyện vọng sống với cha thì chị rất mừng, nên cha phải có trách nhiệm với con, chị cũng có trách nhiệm lo cho con chị.

Tài sản chung: Chỉ có 01 chiếc xe SH, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Có nợ chung, nhưng hiện nay chị không xác định được, vì Công an thị xã H đang giải quyết, nên chị không trình bày gì khác.

Tại bản án sơ thẩm số: 38/2022/HNGĐ-ST ngày 17-5-2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" của anh Lê Hoàng D đối với chị Trần Thị Minh Th.

Anh Lê Hoàng D và chị Trần Thị Minh Th vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, nên không đặt ra giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, anh D kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phía bị đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Hoàng D. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 38/2022/HNGĐ-ST ngày 17-5-2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của anh Lê Hoàng D thấy rằng:

[1.1] Anh Lê Hoàng D và chị Trần Thị Minh Th chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H (nay là phường L, thị xã H), tỉnh Tây Ninh, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh D cho rằng quá trình chung sống anh và chị Th bất đồng quan điểm sống và phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, không thể hàn gắn được. Anh D và chị Th sống ly thân gần 02 năm, nên yêu cầu được ly hôn với chị Th. Ngược lại, chị Th cho rằng vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn mà do chị làm nhà hết nhiều tiền, và chị làm hụi thua lỗ đổ nợ và từ khi chị bị tai nạn giao thông năm 2020, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn xích mích nhau. Anh D về xã Th, huyện Ch sống hơn 01 năm nay và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị còn thương anh D không đồng ý ly hôn.

[1.2] Xét thấy Anh D và chị Th phát sinh mâu thuẫn từ kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng phải bán nhà trả nợ, vợ chồng thuê nhà khác ở và làm tiệm hớt tóc (thuê người làm trả công), anh D khai không nợ chung, nhưng chị Th xác định có nợ chung, vì các chủ nợ đã khởi kiện anh D và chị Th đến Tòa án nhân dân thị xã H, sau đó các chủ nợ đã rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, anh D thừa nhận trước đó có đến Tòa án và ký nợ với các chủ nợ, chưa trả nợ và sự việc giải quyết đến đâu anh không rõ. Hiện vụ việc Công an thị xã H, tỉnh Tây Ninh đang xem xét giải quyết theo quy định, từ đó anh D về ấp T, xã Th, huyện Ch sinh sống, dẫn đến có sự ghen tuông của chị Th, nên mâu thuẫn xảy ra giữa vợ con anh D tại ấp T, xã Th phù hợp biên bản xác minh (BL: 69).

[1.3] Như vậy, anh D tự về ấp T, xã Th, huyện Ch sinh sống, nên vợ chồng mới sống ly thân đến nay, xuất phát từ kinh tế gia đình, hiện các khoản nợ Công an thị xã H đang xem xét giải quyết, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, ngoài ra không có mâu thuẫn nào khác, nên mâu thuẫn giữa anh D và chị Th chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung vẫn có thể hàn gắn kéo dài được, chị Th tha thiết xin đoàn tụ, vì chị còn thương anh D. Tại phiên Tòa phúc thẩm anh D thừa nhận cách đây 03 năm anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh D với chị Th là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Hoàng D, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ

thẩm số: 38/2022/HNGĐ-ST ngày 17-5-2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Hoàng D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Hoàng D.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 38/2022/HNGĐ-ST ngày 17-5-2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lê Hoàng D và chị Trần Thị Minh Th vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, nên không đặt ra giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

3. Về án phí: Anh Lê Hoàng D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020800 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tỉnh Tây Ninh;
- TAND T.X H;
- Chi cục THADS T.X H;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Phạm Thị Hồng Vân